

## BÀI 10: TRUNG QUỐC

### TIẾT 2: KINH TẾ

#### I. Khái quát

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM (Đơn vị: Tỷ USD)

| Năm        | 1985  | 1995    | 2004    | 2010  | 2015  | 2017  |
|------------|-------|---------|---------|-------|-------|-------|
| Trung Quốc | 239   | 697,6   | 1 649,3 | 6087  | 11016 | 12143 |
| Thế giới   | 12360 | 29357,4 | 4887,8  | 66051 | 75049 | 80951 |

- Năm 1978: chính sách cải cách, hiện đại hóa nền kinh tế.

- Thành tựu:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới, trung bình đạt trên 8%/năm.

+ Tổng GDP đứng thứ 2 thế giới (14,72 nghìn tỉ USD năm 2020).

+ Đời sống nhân dân được cải thiện, thu nhập đầu người tăng nhanh.

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

| Năm       | 1985 | 1995 | 2004 | 2010 | 2015 | 2017 |
|-----------|------|------|------|------|------|------|
| Xuất khẩu | 39,3 | 53,5 | 51,4 | 53,1 | 57,5 | 55,1 |
| Nhập khẩu | 60,7 | 46,5 | 48,6 | 46,9 | 42,5 | 44,9 |

#### II. Các ngành kinh tế

##### 1. Công nghiệp

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC

QUA CÁC NĂM

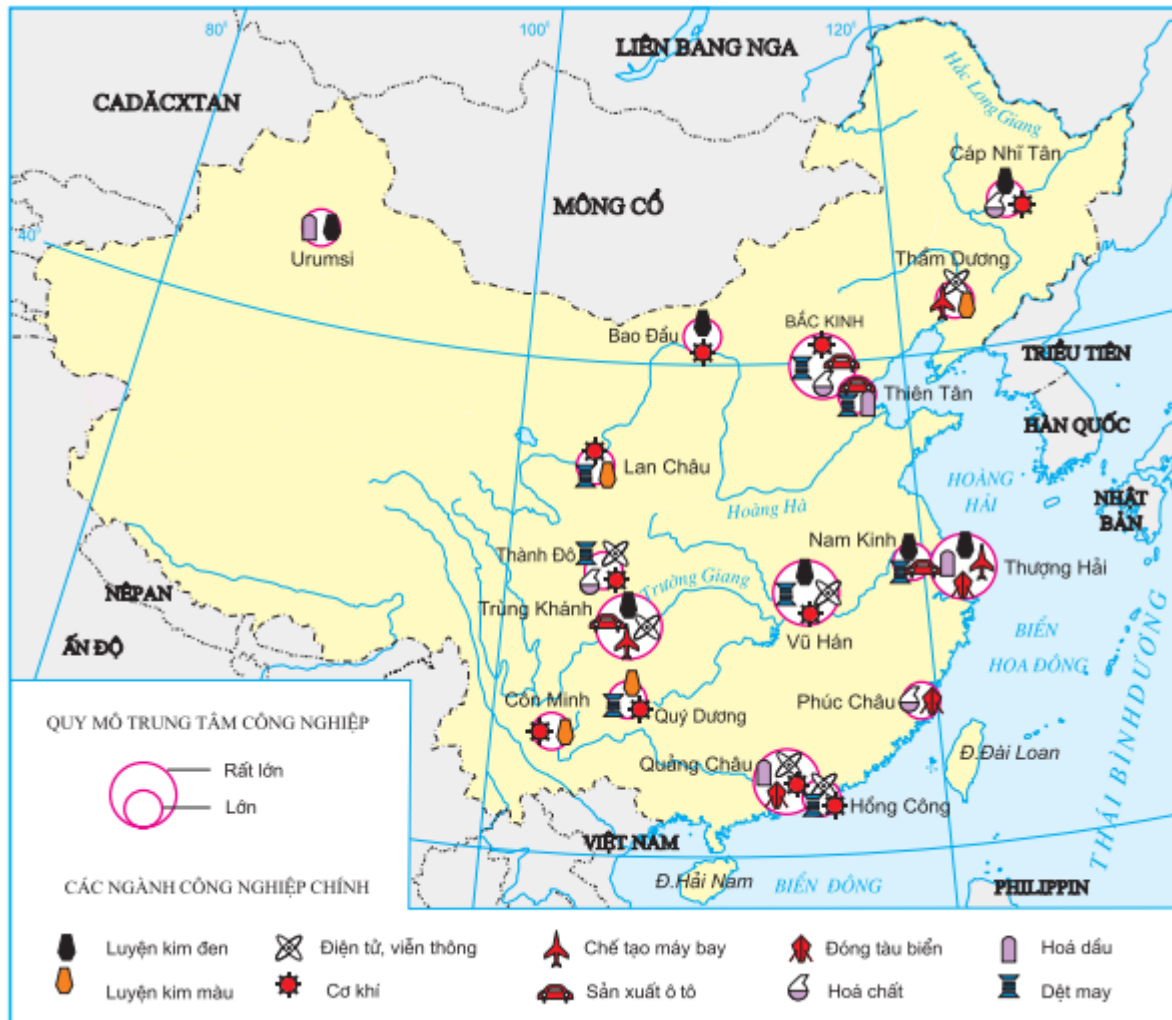
| Sản phẩm \ Năm        | 1985  | 1995   | 2005   | 2010   | 2015   | 2017   |
|-----------------------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Than (triệu tấn)      | 961,5 | 1536,9 | 2365,1 | 3428,4 | 3746,5 | 3524,0 |
| Điện (tỉ kWh)         | 390,6 | 956,0  | 2500,3 | 4207,2 | 5814,6 | 6604,5 |
| Thép (triệu tấn)      | 47,0  | 95,0   | 355,8  | 638,7  | 803,8  | 831,7  |
| Xi măng (triệu tấn)   | 146,0 | 476,0  | 970,0  | 1800   | 2350   | 2320   |
| Phân đạm (triệu tấn)* | 13,0  | 26,0   | 28,1   | 27,5   | 29,2** | —      |

- Chính sách phát triển:

- + Thay đổi cơ chế quản lí: “Kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường”.
- + Chính sách mở cửa.
- + Chính sách công nghiệp mới (năm 1994), tập trung vào 5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.
- *Thành tựu:*
  - + Đứng đầu thế giới về thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI).
  - + Cơ cấu ngành: đa dạng.
  - + Nhiều sản phẩm đứng đầu thế giới: than, thép, xi măng, phân đạm.
- *Phân bố:* tập trung chủ yếu ở miền Đông.



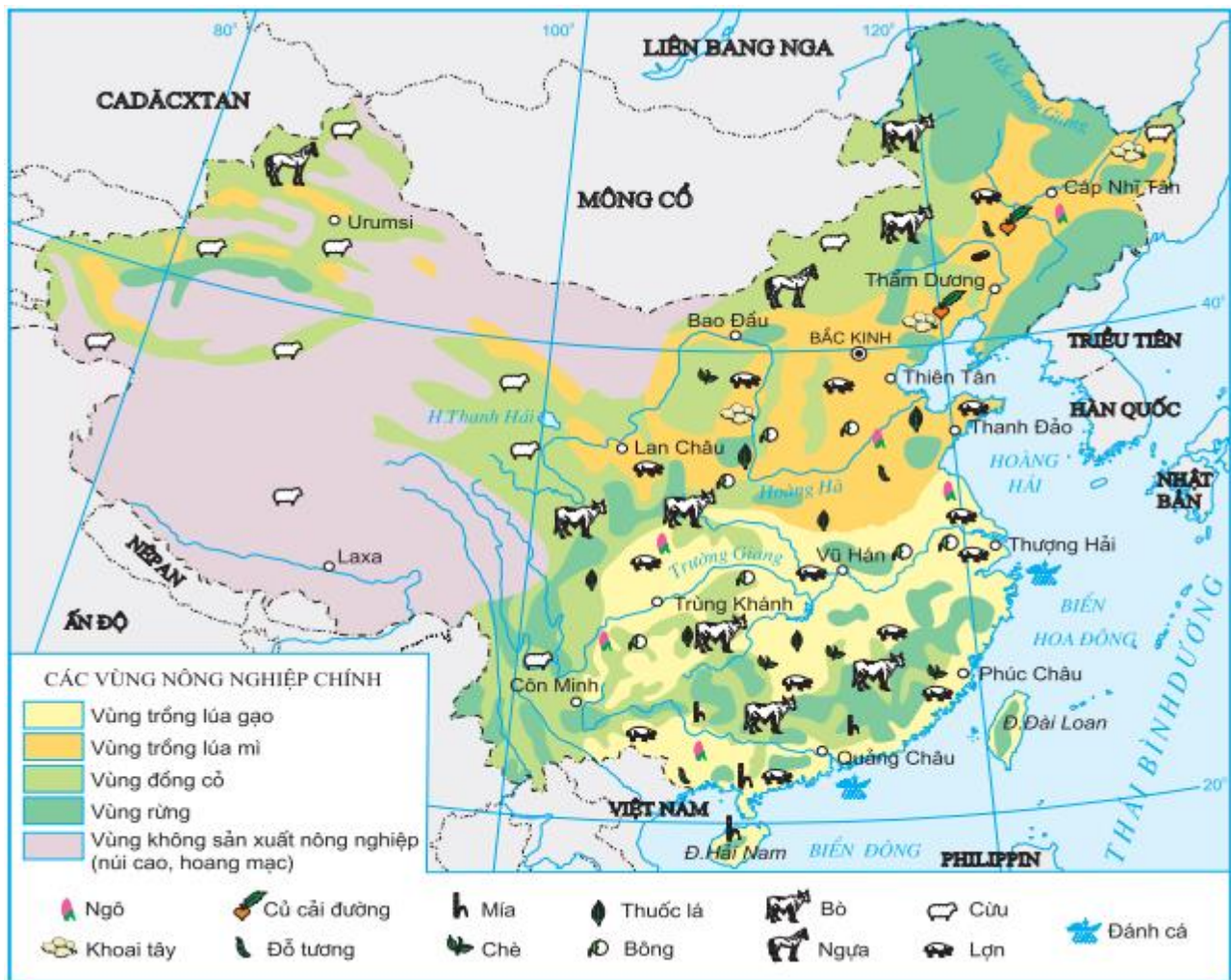
Thành phố Thượng Hải, Trung Quốc



Các trung tâm công nghiệp chính ở Trung Quốc

## 2. Nông nghiệp





### Phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc

#### - Chính sách phát triển:

- + Giao quyền sử dụng đất và khoán sản phẩm cho nông dân.
- + Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn: giao thông, thủy lợi,...
- + Áp dụng KHKT vào sản xuất, sử dụng giống mới, máy móc thiết bị hiện đại.
- + Miễn thuế nông nghiệp.

#### - Thành tựu:

- + Sản lượng nông sản tăng, một số loại đứng đầu thế giới: lương thực, bông, thịt lợn.
- + Trồng trọt chiếm ưu thế hơn so với chăn nuôi.

#### - Phân bố: tập trung chủ yếu ở phía Đông.

### SẢN LƯỢNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CỦA TRUNG QUỐC QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: Triệu tấn)

| <b>Sản phẩm \ Năm</b> | <b>1985</b> | <b>1995</b> | <b>2000</b> | <b>2005</b> | <b>2010</b> | <b>2017</b> |
|-----------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Lương thực            | 339,8       | 418,6       | 407,3       | 429,4       | 498,5       | 619,9       |
| Bông (sợi)            | 4,1         | 4,7         | 4,4         | 5,7         | 6,0         | 6,3*        |
| Lạc                   | 6,6         | 10,2        | 14,4        | 14,4        | 15,7        | 17,2        |
| Mía                   | 58,7        | 70,2        | 69,3        | 87,6        | 111,5       | 104,8       |
| Thịt lợn              | 17,6        | 31,6        | 40,3        | 41,8        | 49,6        | 53,8*       |
| Thịt bò               | 0,4         | 3,5         | 5,3         | 5,4         | 6,2         | 6,4*        |
| Thịt cừu              | 0,3         | 1,8         | 2,7         | 1,8         | 2,1         | 2,1*        |

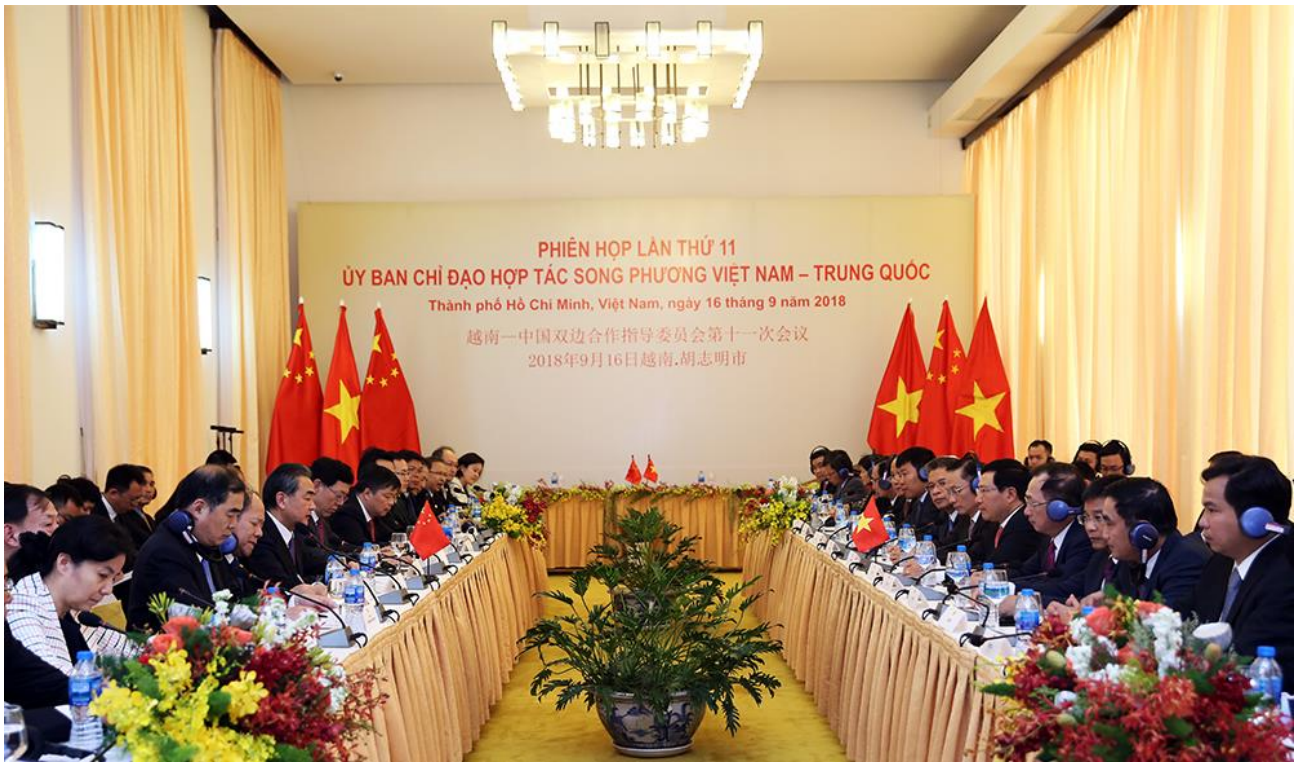


Chăn nuôi cừu ở miền Tây Trung Quốc

### III. Mối quan hệ Trung Quốc - Việt Nam

- Có mối quan hệ lâu đời.
- Hợp tác trên nhiều lĩnh vực, kim ngạch thương mại 2 chiều ngày càng tăng.
- Phương châm: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”.





Mối quan hệ Việt - Trung ngày càng được đẩy mạnh và nhiều lĩnh vực